TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20/02/2024
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Trúc.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Minh Quang
2. Ông Trương Thành Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 526/2023/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị G, sinh năm: 1978.
Địa chỉ: Ấp H, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn:* Anh Võ Minh P, sinh năm 1970.
Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

(Chị Gái có mặt, anh P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/8/2023 nguyên đơn chị Phạm Thị G trình bày như sau: Chị và anh Võ Minh P cưới nhau năm 2002, hôn nhân do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 93/2004, quyển số 01, cấp ngày 31/8/2004. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến khoảng năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị G trình bày là do anh P có quan hệ tình cảm với người khác, chị G nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh P không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm không còn. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay và suốt thời gian ly thân không gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn. Nay xét thấy không còn tình cảm với anh P, nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh P.

Về con chung: Giữa chị G và anh P có 01 người con chung tên Võ Thị Cẩm T, sinh ngày 02/3/2004 đã thành niên và có đủ năng lực hành vi dân sự nên chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Võ Minh P đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh P biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, nhưng không có ý kiến gì và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Phạm Thị G và anh Võ Minh P có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân xã T, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 93/2004, quyển số 01, ngày 31/8/2004 nên hôn nhân là hợp pháp.

[1.2] Anh Võ Minh P là bị đơn, hiện nay có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện C nên khi chị G có đơn khởi kiện ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.3] Bị đơn anh Võ Minh P được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 207, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp: Chị G và anh P chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị G trình bày là do anh P không chung thủy dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và ly thân suốt một thời gian dài. Anh P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn không đến tham gia phiên hòa giải cũng như phiên tòa từ đó cho thấy anh P cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với chị G. Do đó, có đủ căn cứ để chứng minh mâu thuẫn giữa chị G và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Phạm Thị G được ly hôn với anh Võ Minh P.

[3] Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Giữa chị G và anh P có 01 người con chung tên Võ Thị Cẩm T, sinh ngày 02/3/2004 đã thành niên và có đủ năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị Gái trình bày không có nên không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Phạm Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình để sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147 và khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Phạm Thị G đối với anh Võ Minh P.

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị G được ly hôn với anh Võ Minh P.

Về án phí: Chị Phạm Thị G phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 00006118 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước, chị G đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Toà án niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện Cần Đước;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *UBND xã Tân Chánh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phương Trúc